

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §84

- Tiêu đoạn §84 này mở đầu cho toàn bộ Lôgíc học nói chung và cho lĩnh vực Tồn tại nói riêng, nên ta cần tìm hiểu kỹ để dễ theo dõi các tiêu đoạn tiếp theo.
- Như đã chú giải cho tiêu đoạn trước, Tồn tại tuy là Khái niệm, nhưng mới ở giai đoạn là *tự-mình* và *chỉ là tự-mình*, nghĩa là: Khái niệm – mà sự vận động của nó sẽ hoàn toàn mang tính khái niệm – còn bị chìm đắm trong *sự trực tiếp* và trong trạng thái *tiềm năng* nguyên thủy của nó. Nói cách khác, sức mạnh tự-phát triển, tự-dị biệt hóa một cách tự do của Khái niệm chưa được bộc lộ, vì thoát đầu nó còn giấu mình trong *sự đồng nhất tĩnh tại*. Vì còn là *tự-mình*, nên Tồn tại chưa phải là lĩnh vực *Bản chất* (tức Khái niệm được thiết định trong sự dị biệt hóa và trong sự vận động minh nhiên, cho-mình: §112 và tiếp) và càng chưa phải là lĩnh vực của Khái niệm đúng nghĩa (tức Khái niệm trong sự tự do của việc *tự-dị biệt hóa* và *tự-phát triển* một cách *tự-mình-và-cho mình*: §160 và tiếp).
- Dù mới là *tự-mình*, nhưng nó vẫn là Khái niệm, nên Tồn tại (*viết hoa!*) được bàn ở phần I này là một *lĩnh vực rộng rãi* với tất cả sự phức tạp và phong phú, tuy chỉ mới triển khai trong hình thức bị hạn chế của cái *tự-mình*. Vậy, Tồn tại là *toàn bộ* Khái niệm – vì thế nó là một *lĩnh vực* của Lôgíc học – nhưng cái toàn bộ này chỉ mới trong *hình thức* của sự trực tiếp.
- *Bên trong* cái *tự-mình* trực tiếp ấy, Khái niệm – với tư cách là Tồn tại –, như ta sẽ thấy, sẽ thiết định các quy định riêng của nó: tồn tại thuần túy (*viết thường!*), hư vô (thuần túy), sự trở thành, tồn tại-đang có v.v... và diễn ra trong ba phạm trù chủ yếu: Chất, Lượng và Hạn độ.
- Còn quá sớm để ta dự kiến nội dung của toàn bộ lĩnh vực Tồn tại, nhưng ta có thể ghi nhận một số đặc điểm tiêu biểu của Tồn tại, tức hình thức riêng biệt của những quy định của Tồn tại, nếu thử so sánh với những quy định của lĩnh vực Bản chất và Khái niệm.
- Hegel gọi những quy định của Tồn tại, tức những phạm trù của lĩnh vực Tồn tại là “*trực tiếp*” hay “*tồn tại đơn thuần*”, “*chỉ*

trong môi trường của sự Tồn tại” (*Seiend / simply are / étantes*). Trong khi những tính quy định của Bản chất là *trương quan* với nhau một cách minh nhiên, còn những tính quy định của Khái niệm (đúng nghĩa) *tiếp diễn* với nhau một cách minh nhiên, thì những tính quy định của Tồn tại, giống như bản thân Tồn tại, “chỉ đơn thuần tồn tại”, chỉ là “trực tiếp”. Nói rõ hơn: vì lẽ Tồn tại là một lĩnh vực của Khái niệm và bản tính của Khái niệm là sự tự-dị biệt hóa, nên những sự khác biệt cũng xuất hiện giữa những tính quy định khác nhau của Tồn tại. Chỉ có điều: chúng không bao hàm bất kỳ mối quan hệ nào; những sự khác biệt giữa chúng là thuần túy ngoại tại, chúng không làm cơ sở cho nhau, không là điều kiện của nhau một cách tương hỗ, nói ngắn, không có một sự trung giới nào hết, trái lại, chỉ là *những cái khác đối với nhau* mà thôi.

- Vì thế, sự tiếp tục quy định cho chúng, nghĩa là vạch rõ sự thủ tiêu, thái hồi nhau và sự thế chỗ lẫn lượt cho nhau của những phạm trù đối lập – mà §81 đã gọi là hình thức *biện chứng* (phủ định) của Lôgíc – chỉ là một sự *chuyển sang cái khác, một sự quá độ thuần túy vào trong cái khác* (*ein reines Übergehen in Anderes / the pure passing-over into the other / un pure passage dans de l'Autre; une pure transition dans de l'Autre*). Vì lẽ, trong lĩnh vực Tồn tại, những quy định là những cái khác đối với nhau một cách tuyệt đối, nên diễn trình biện chứng ở đây có hình thức bất liên tục của một sự *quá-độ* (*über-gehen*) nhảy đột ngột qua (*über*) một phạm trù để chuyển sang một phạm trù khác. (Trong khi đó, như sẽ thấy, những quy định của *Bản chất* sẽ *phản tư* vào trong nhau, cái này *hiện ra* hay *hiện hình* trong cái kia, rồi trong *Khái niệm* đúng nghĩa, chúng tự tiếp diễn bởi sự đồng nhất của chúng với nhau ngay trong lòng những sự khác biệt của chúng, vì bản thân Khái niệm tự phát triển ở trong chúng và thiết định mọi quy định như một mômen của sự tự do của nó: §§112, 160, 161, 240).
- Diễn trình tiếp tục quy định của Tồn tại (kính qua toàn bộ lĩnh vực của Tồn tại) nghĩa là, việc lần lượt thiết định những phạm trù của Tồn tại bằng cách kéo chúng ra khỏi tính tiềm năng nguyên thủy của Khái niệm trực tiếp là một tiến trình duy nhất, nhưng là một sự vận động *gấp đôi*: thiết định ra bên ngoài (*Heraussetzen / a setting-fort / une ex-position en dehors*) và đi vào trong chính mình (*Insichgehen / going-into-itself / aller-dans-soi*).

“Thiết định ra bên ngoài” là khai triển Khái niệm trong trạng thái tự-mình. Còn “đi vào trong chính mình” là việc nội tại hóa, đào sâu vào trong chính mình, thâm nhập vào trong sự phong phú bị che giấu nhờ vào sự khai triển ấy, để từng bước *thủ tiêu, vượt bỏ* sự trực tiếp nguyên thủy của Tồn tại hay của *hình thức* của bản thân Tồn tại. “Đi vào trong chính mình” và khai thông chính nền tảng của mình, Tồn tại sẽ *tự-trung giới* với chính mình bằng việc phủ định sự trực tiếp ban đầu, qua đó Tồn tại tự-phản tư vào trong chính mình và trở thành *Bản chất* (là cái làm nền tảng cho Tồn tại).

Ta thấy rằng: vận động thứ nhất (“thiết định ra bên ngoài”) có chủ thể là tư tưởng lôgic; trong khi vận động thứ hai (“đi vào trong chính mình”) có chủ thể là bản thân Tồn tại, dù cả hai là một tiến trình duy nhất và đồng nhất. Hegel dùng chữ “*Explikation*” để chỉ diễn trình *gấp đôi* này, vừa theo nghĩa “minh nhiên hóa” (Ex-plizitation) vừa theo nghĩa “nội tại hóa”, “làm cho sâu sắc hơn” (Explikation).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §85

- Trước khi thực sự bắt đầu với phạm trù đầu tiên của Lôgic học ở tiểu đoạn sau: §86, Hegel dành tiểu đoạn §85 này để nêu ra một số lưu ý *sơ bộ* liên quan đến mọi phạm trù lôgic nói chung.
- “*Những quy định Lôgic nói chung (...) có thể được xem như là những định nghĩa về cái Tuyệt đối, như là những định nghĩa siêu hình học về Thượng đế*”... Câu này có nghĩa là gì?

Không chỉ những quy định hay những phạm trù của lĩnh vực Tồn tại nói riêng như ta sẽ tìm hiểu mà tất cả mọi quy định lôgic tiếp theo đều có thể được xem như là *những định nghĩa về cái Tuyệt đối*, bởi chúng đều thuộc về một loại chung, đó là mang lại những quy định *phổ biến* khác nhau về nội dung lôgic của Ý niệm tuyệt đối. Thật ra, nhận thức đích thực về cái Tuyệt đối *không* nằm trong những định nghĩa ấy mà chỉ nằm trong *toàn bộ sự vận động* của Khoa học Lôgic. Do đó, với Hegel, một định nghĩa bao giờ cũng chỉ là một mômen của nhận thức *hữu hạn* (xem: §229). Tuy nhiên, chúng vẫn có lợi cho *sự hình dung bằng biểu tượng* của ta. Chính trong ý nghĩa giới hạn ấy, những quy định lôgic nói chung

có thể được xem là *những định nghĩa siêu hình học về Thượng đế*. Tại sao là “về Thượng đế”? Ta biết rằng, với Hegel, “Thượng đế” không phải là một phạm trù của triết học, trái lại, đó là tên gọi của Tinh thần-tuyệt đối ở trong lịch sử của sự khai thị tôn giáo (chỉ có Tinh thần-tuyệt đối hay cái Tuyệt đối mới là phạm trù của triết học, tức của Logic học). Theo nghĩa ấy, “Thượng đế” là sản phẩm của tư duy hình tượng, như là Tinh thần-tuyệt đối thể hiện trong nghệ thuật và tôn giáo, nghĩa là chưa phải là triết học. (Xem: *Bách khoa thư*, tập III, §§553-571). Cho nên, vì lẽ Siêu hình học là môn học diễn tả bản tính của mọi sự vật (kể cả Thượng đế!) bằng những tư tưởng thuần túy, nên những quy định logic chính là những định nghĩa *siêu hình học* (triết học) về Thượng đế (của tư duy biểu tượng). Vậy, định nghĩa Thượng đế một cách *siêu hình học* có nghĩa là không đi tìm những dấu vết của Tinh thần-tuyệt đối ở trong vũ trụ, trong lịch sử hay trong tôn giáo, mà diễn tả bằng *những tư tưởng* xét như là tư tưởng, vd: “Thượng đế là Hữu thể tuyệt đối, là cái Một vô hạn, là nguyên nhân tự thân, là chân, thiện, mỹ v.v... Và bởi lẽ Logic học chứa đựng và bao quát hết mọi tư tưởng như thế – tức những tư tưởng còn ở trong hình thức thuần túy của tư duy chứ không phải như đã được thực tại hóa ở trong Tự nhiên và đã được hiện thực hóa ở trong Tinh thần (xem tập II và III của *Bách khoa thư*), nên, từ giác độ ấy, mọi quy định logic là những định nghĩa siêu hình học về Thượng đế.

- Tuy nhiên, cần cần trọng lưu ý hai điểm:
 1. Trong sự phát triển của từng lĩnh vực chung của Logic học (Tồn tại-Bản chất-Khái niệm) cũng như của từng phạm trù, ta cần phân biệt một bên là quy định *thứ nhất* và *thứ ba* với bên kia là quy định *thứ hai*, tức quy định trung gian. Nói chung, trong vận động “ba bước” (khẳng định, phủ định, phủ định của phủ định), quy định *thứ nhất* bao giờ cũng là quy định của một sự đồng nhất trực tiếp với chính nó và quy định *thứ ba* là quy định của việc quay trở về lại với chính mình, tức là của sự đồng nhất được trung giới và cụ thể với chính mình. Ngược lại, quy định *thứ hai* lúc nào cũng là mômen của sự khác biệt xét như sự khác biệt, tức mômen của sự giằng xé, đối lập. Cái Tuyệt đối, vì là cụ thể, nên đi vào trong sự khác biệt (hay phân biệt), nhưng, với tư cách là Tuyệt đối, nghĩa là cái gì vượt bỏ, “xá miễn” mọi sự đối lập, không phải là sự

khác biệt xét như sự khác biệt mà chỉ là sự đồng nhất nguyên thủy được khôi phục từ sự khác biệt hay sự đồng nhất sau cùng mà sự đồng nhất nguyên thủy đã quay trở lại. Cho nên, những định nghĩa về cái Tuyệt đối (hay những định nghĩa siêu hình học về Thượng đế) phải là quy định đầu tiên còn tuyệt đối đơn giản và sau đó là quy định thứ ba, ra khỏi sự khác biệt, quay trở lại với chính mình. Trong khi đó, các quy định *thứ hai* – là một lĩnh vực ở trong *sự khác biệt (Differenz)* và chưa vượt bỏ sự mâu thuẫn – là các quy định của *cái hữu hạn* xét như cái hữu hạn, nghĩa là của cái gì đối lập một cách trừu tượng với một cái khác, khác biệt với cái khác và tìm thấy ranh giới và giới hạn của mình trong cái khác ấy. Vậy, chỉ không được xem là những định nghĩa siêu hình học về Thượng đế những quy định nào *chỉ đơn thuần* là những quy định thứ hai, vd: như ta sẽ thấy, “đại lượng” (Quantum), “hiện tượng”, “bộ phận” v.v... đều là các quy định như thế. Tuy nhiên, vẫn có những quy định là quy định thứ hai trong một lĩnh vực nhưng lại là thứ nhất trong lĩnh vực riêng của nó, vd: Lượng là quy định thứ hai so với Chất (quy định thứ nhất) và Hạn độ (quy định thứ ba) nhưng bản thân Lượng là quy định thứ nhất trong bản thân sự phát triển của nó.

2. Điểm lưu ý thứ hai là: một định nghĩa thường được phát biểu trong hình thức của một mệnh đề gồm một chủ ngữ và một vị ngữ: vd: “Thượng đế là vô hạn”. Nhưng, nếu ta dùng hình thức định nghĩa ấy trong triết học mà không biết phê phán, thì hình thức này ngụ ý rằng chủ ngữ là một *cơ chất (Substrat) bất định* trôi nổi trước sự hình dung bằng biểu tượng, nghĩa là, tư tưởng theo ý nghĩ chủ quan của ta chứ hoàn toàn chưa được xác định. So sánh với vị ngữ diễn tả bản tính của Thượng đế bằng một tư tưởng xác định và hiện thực thì chủ ngữ chỉ là một từ trống rỗng, một cái X phiếm định làm chỗ dựa cho sự hình dung, tức chưa được suy tưởng. Do đó, tư tưởng – điều duy nhất quan trọng trong Logic học và Siêu hình học – chỉ chứa đựng ở trong vị ngữ, còn hình thức của mệnh đề và việc quy chiếu về một chủ ngữ của những định nghĩa ấy là cái gì hoàn toàn thừa thãi. (Hegel sẽ trở lại với “hình thức tư biện” đích thực của mệnh đề ở chương về phán đoán: §§167-169). Đối với tư tưởng, không có chủ ngữ hay chủ thể nào khác ngoài *bản thân sự vận động* của cái gì được suy tưởng ở trong *vị ngữ* cũng như khi nó, về sau, sẽ xuất

hiện trong sự đồng nhất giữa *Bản thể được suy tưởng* và *Chủ thể suy tưởng*. (Xem: §158).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §86

“Tồn tại thuần túy là cái bắt đầu”...

- Phạm trù đầu tiên làm điểm xuất phát là *“tồn tại thuần túy”*. Khác với cách hiểu của Kant về chữ “thuần túy” (như là cái gì rất có “giá trị” vì hoàn toàn độc lập với mọi kinh nghiệm), Hegel hiểu chữ “thuần túy” ở đây theo nghĩa “tâm thường” của cái gì hoàn toàn “đơn thuần”, gọi lên cái gì cô lập, phân lập, trừu tượng. *Tồn tại thuần túy* chỉ “tồn tại” thôi, chứ không phải là gì khác, bị tước bỏ hết mọi sự quy định xa hơn. Cần lưu ý rằng, tồn tại ở đây không phải là Tồn tại (viết hoa!) ở §84 như là một lĩnh vực với tất cả những quy định trong đó Khái niệm khai triển với tư cách là Tồn tại. Nó là *tồn tại* (viết thường!) theo nghĩa hẹp như là điểm khởi đầu của mọi quy định lôgic trong phần I của Lôgic học: học thuyết về Tồn tại (theo nghĩa rộng của lĩnh vực Tồn tại nói chung).
- *“Cái tồn tại-thuần túy này là cái bắt đầu”*. Bắt đầu của cái gì? Tất nhiên là của Khoa học nói chung, nhưng đặc biệt là của Khoa học Lôgic. Trong toàn bộ khoa học thì Lôgic học “bao hàm tất cả mọi tư tưởng trong chừng mực chúng còn ở trong hình thức của những tư tưởng” (§85). Nói cách khác, tồn tại thuần túy là sự bắt đầu của *Lôgic học* vì nó là *tư tưởng thuần túy*, và, ngược lại, Lôgic học bắt đầu với tồn tại thuần túy, *trước hết* là vì nó là *tư tưởng thuần túy*. Nhận định này rất quan trọng để hiểu tại sao các phạm trù của Lôgic học được gọi là “những tư tưởng thuần túy” và Lôgic học lại bắt đầu với “tồn tại thuần túy”:
- chúng là những “tư tưởng thuần túy” trong chừng mực nhìn lại một cách *hồi cố*: khác với “*Hiện tượng học Tinh thần*”, hiểu như một sự dẫn nhập vào Hệ thống xuất phát từ sự phát triển của *ý thức* cảm tính trực tiếp, cái biết lôgic học triển khai ở bên ngoài sự đối lập của *ý thức* giữa một bên là sự xác tín chủ quan và bên kia là chân lý hay sự thật của sự xác tín ấy, nghĩa là tiến trình nhận thức bây giờ không còn bị ràng buộc với những hình thái cụ thể và ngoại tại của *ý thức* nữa, trái lại, gắn liền với một sự vận động *thuần túy* và nội tại của tư duy trong môi trường của sự đồng nhất giữa chủ thể suy tưởng và đối

tượng được suy tưởng, hay, nói như Hegel, của “tư tưởng tự suy tưởng chính mình như là tư tưởng” trong sự thuần túy của nó.

- Chúng cũng là những “tư tưởng thuần túy” trong chừng mực nhìn về con đường *phía trước*: Logic học chỉ nghiên cứu tư tưởng trong *sự trừu tượng* hoàn toàn của nó, nghĩa là, trong chừng mực nó còn ở trong hình thức *trong suốt* của tư duy *đơn thuần*, chứ không nghiên cứu tư tưởng trong môi trường cụ thể của sự biến đổi ở trong không gian-thời gian, tức trong môi trường tạo nên hai lĩnh vực: Tự nhiên và Tinh thần sẽ là đối tượng của hai môn học “thực tồn” tiếp theo: Triết học về Tự nhiên và Triết học về Tinh thần (tập II và III của bộ *Bách khoa thư*).
- Và sở dĩ ta bảo Logic học bắt đầu *trước hết* với tồn tại thuần túy thì điều này cũng có hai nghĩa:
 1. Giống như mọi phạm trù khác của Logic học (Lượng, Chất, Bản chất, Hiện thực, Khái niệm v.v...), *trước hết*, tồn tại thuần túy cũng là một *tư tưởng thuần túy* chứ không phải một thực tại của Tự nhiên hay của Tinh thần. Tồn tại thuần túy, trong chừng mực đó, *không* phải là cái Tự nhiên trực tiếp của không gian (đối tượng của Triết học về Tự nhiên) hoặc cái Tinh thần trực tiếp của ý thức (đối tượng của Triết học về Tinh thần) mà là *tư tưởng thuần túy về cái trực tiếp* hay, cũng đồng nghĩa như thế, là *sự trực tiếp của tư tưởng thuần túy*.
 2. Nhưng, bảo rằng tồn tại-thuần túy là một tư tưởng thuần túy thì cũng chưa đủ để biện minh tại sao Logic học lại phải bắt đầu với nó, vì mọi phạm trù khác của Logic học đều là những tư tưởng thuần túy cả. Vậy, phải có lý do sau đây:
 - Cái bắt đầu, đúng là cái bắt đầu (của Logic học và của Bách khoa thư nói chung) *không thể là cái gì đã được trung giới*, không thể là cái gì đã được quy định xa hơn tồn tại thuần túy, vì:
 - a) mọi sự trung giới đều *tiền-giả định* một sự vận động đi từ một cái thứ nhất còn nguyên thủy hơn nữa để đúng thật là cái bắt đầu. Bởi, như Hegel viết trong phần Nhận

xét (§183): “sự trung giới chính là việc đã đi ra khỏi một cái thứ nhất để đến với một cái thứ hai và nảy sinh từ những cái được phân biệt”.

b) mọi quy định *xa hơn* đều bao hàm một sự đi ra khỏi cái trực tiếp nguyên thủy để hướng tới một giai đoạn phát triển tiếp theo của Ý niệm.

- “*Tồn tại thuần túy là cái trực tiếp, đơn giản*”: Nó không chỉ là *một* cái trực tiếp – vì cái gì cũng có một mômen của sự trực tiếp – mà là *bản thân* cái trực tiếp, là sự trực tiếp thuần túy và đơn giản. Chữ “*thuần túy*” có nghĩa: không có một nội dung nào, không có mối quan hệ, sự quy chiếu hay sự quy định nào hết; nó không gì hơn là chính nó, vì nói gì thêm là phải phủ định chính nó. Chữ “*đơn giản*” là đồng nghĩa với “sự vô-quy định”, “sự trực tiếp”, nhưng có vẻ còn mạnh hơn cả chữ “trực tiếp”, vì chữ “trực tiếp” hay “vô-quy định” vẫn còn gọi lên một sự “phản tư” (Reflexion) nào đó, tức một sự quy chiếu, một quan hệ đối lập lại với mọi sự quy định; vì thế, Hegel viết trong [Đại] Khoa học Lôgíc, I, 54 c: “Trong sự diễn đạt đúng thật, sự trực tiếp *đơn giản* mới đúng là *tồn tại thuần túy*”.
- “*Do đó, cái khởi đầu đầu tiên chính là tồn tại thuần túy*”: Điều này muốn nói rằng ở điểm khởi đầu, bản thân tư tưởng cũng chưa được thiết định như là “*tư tưởng*” thuần túy, bởi bảo rằng đây là một sự trùng hợp hay ngang bằng trừu tượng với chính tư tưởng thì cách nói này cũng đã ngụ ý một cái gì đã được trung giới hay đã được phản tư, vì nó bao hàm một “vận động” của sự trùng hợp và một “quan hệ” ngang bằng với chính mình: sự ngang bằng hay tương ứng trực tiếp đích thực ở đây chỉ có thể là “*tồn tại thuần túy*”, thế thôi. Cho nên, định nghĩa đầu tiên về cái Tuyệt đối là: “*Tư duy hay cái Tuyệt đối là tồn tại*”. Ý niệm lôgíc “*là*”; ta chỉ mới có thể nói như thế mà thôi. Chữ “*là*” này không có nghĩa phong phú của “*actus essendi*” của bản thể học truyền thống, chẳng nói lên một sự ngạc nhiên nguyên thủy trước những gì tồn tại mà chỉ là một phạm trù lôgíc nói lên sự trùng hợp trực tiếp của tư duy với chính nó, thế thôi. Nhưng, sự trực tiếp này là sự trực tiếp của tư duy, nghĩa là

của *tính động thuần túy*. Nó sẽ lập tức chuyển sang cái đối lập với nó như sẽ thấy ở §87.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §87

“Tồn tại thuần túy [...] là cái phủ định tuyệt đối, và nếu cái này cũng được nắm lấy một cách trực tiếp, là hư vô”.

- Như đã nói, tồn tại thuần túy không có tính quy định nào cả. Nó là cái vô-quy định một cách tuyệt đối. Thật ra, một cách mặc nhiên, nó cũng có một đặc tính, đó là tồn tại “thuần túy”. Nghĩa là: nó mặc nhiên chứa đựng một sự quy định, đó là không có quy định nào cả! Tình hình này còn mặc nhiên ở §86; bây giờ, ở §87, được bàn đến một minh nhiên, hay, được “thiết định”.
- Tồn tại thuần túy, chính vì nó là cái vô-quy định một cách tuyệt đối, nên là *sự trừu tượng* thuần túy (cái gì “cụ thể” đều có quy định!). Nghĩa là: nó tiến hành một sự trừu tượng hóa, hay, nói rõ hơn, chính tư duy tự suy tưởng đã làm một sự trừu tượng hóa khỏi mọi sự trung giới và mọi sự quy định. (Hành vi mặc nhiên này chỉ thực sự trở thành một “thao tác” của Ý niệm lôgic khi đi vào Học thuyết về Bản chất và Học thuyết về Khái niệm: §112; (Đại) Khoa học Lôgic, I, 85d, 86a), qua đó tư duy là cái phủ định một cách tuyệt đối, là sự trừu tượng phủ định: chính cái vô-quy định trực tiếp làm công việc *phủ định* mọi sự trung giới và giữ mình thoát khỏi mọi sự quy định. Nếu, giống như *tồn tại*, tư duy cũng nắm lấy hành vi này theo kiểu trực tiếp, nghĩa là cô lập và trừu tượng, thì cái phủ định một cách trực tiếp này, trong sự thuần túy của nó, là *hư vô* hay là cái không gì hết. Cũng do sự thuần túy và vô-quy định nguyên thủy, tồn tại thuần túy không là cái gì hết, là cái gì không thể nói ra được, là *hư vô*. Đó là *định nghĩa thứ hai* về Thượng đế hay về cái Tuyệt đối: Tư duy hay cái Tuyệt đối là hư vô, là không gì hết. (Câu hỏi đặt ra ở đây: tại sao phạm trù *thứ hai* của Lôgic học là hư vô lại được dùng làm thuộc từ cho một định nghĩa siêu hình học về Thượng đế, trong khi ở §85, như ta đã thấy: Hegel bảo rằng chỉ có quy định thứ nhất (tồn tại thuần túy) và thứ ba – tức phạm trù “*sự trở thành*” (*das Werden / the Becoming*) ở §88 – mới có thể tạo nên một định nghĩa? Câu trả

lời nằm ở các giòng đầu tiên của phần Giảng thêm cho §88. Ở đó, Hegel giải thích rằng: thật ra, chỉ với phạm trù “*sự trở thành*” ta mới có tư tưởng *cụ thể* đầu tiên, nghĩa là mới có khái niệm và quy định lôgic đích thực đầu tiên; còn hai phạm trù trước (tồn tại thuần túy và hư vô thuần túy) đều là các sự trừu tượng trống rỗng, đều có thể được sử dụng như là thuộc từ cho tư tưởng được nắm lấy trong sự trực tiếp và sự vô-quy định nguyên thủy).

- Ta sẽ thấy, bảo Ý niệm lôgic là hư vô chính là cách nói nghèo nàn nhất, trực tiếp nhất về điều mà về sau sẽ phát triển thành sự siêu việt và *sự tự do cụ thể* của Ý niệm trong quan hệ (phủ định) với mọi nội dung bị quy định (bị hạn chế) của chính nó, hay như thuật ngữ Hegel, thành *sự phủ định tuyệt đối* (*absolute Negativität = sự phủ định của phủ định*) của nó. Vì lẽ cái Tuyệt đối (theo nghĩa đen của chữ Absolut là thoát ly khỏi mọi quan hệ, hạn chế), nên nó phủ định tất cả, kể cả chính mình. Nhưng, nếu – về mặt lôgic – sự phủ định tuyệt đối này bị nắm lấy trong tính trực tiếp nghèo nàn của nó, nó chỉ có một sự phủ định trừu tượng và thô thiển của cái “không”: hư vô. (Về quan hệ giữa “hư vô” và sự “tự do”, xem các dòng cuối cùng của phần *Nhận xét* cho §87. Ngoài ra, ta nên lưu ý: chữ “hư vô” ở đây không phải là cái hư vô (latinh: nihil) siêu hình học của việc “sáng tạo từ hư vô” (ex nihilo). Nó chỉ là một quy định của tư duy, hay, chính xác hơn, của tư duy trong sự vô-quy định nguyên thủy của nó mà thôi).
- Nhận xét của Hegel về chữ “*hư vô*” trong Phật giáo phát xuất từ tình hình tư liệu và sự hiểu biết đương thời; ở đây chúng tôi không bàn thêm để tránh dẫn vấn đề đi quá xa.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §88

... “*Chân lý [hay sự thật] của tồn tại cũng như của hư vô là sự thống nhất của cả hai; sự thống nhất ấy là Trở thành*”.

- Như đã có chú thích, cách viết: “*Chân lý [hay sự thật] của...*” là đặc trưng của ngôn ngữ Hegel. Nó luôn có nghĩa là: thực thể nằm phía sau chữ “*của*” không có sự tự tồn thực sự nơi bản thân nó

Mis en forme :
pt, Gras

Supprimé : t

Mis en forme :
pt, Gras

Mis en forme :
pt, Gras

mà ở trong một sự *thống nhất* cao hơn, chứa đựng nó (hay chúng) như là mômen. Vậy, ở đây, cách viết ấy có nghĩa: tồn tại và hư vô chỉ “tồn tại” một cách đúng thật và cụ thể ở trong sự thống nhất của cả hai, chứ không phải ở trong sự phân lập hay bị cô lập. Minh chứng cho điều ấy là ở tính chất của cả hai: tồn tại thuần túy, được nắm lấy nơi bản thân nó, là hư vô (§87), trong khi hư vô thuần túy, được nắm lấy nơi bản thân nó, cũng là một cái giống hệt như tồn tại (§88). Sự thống nhất của chúng là chân lý của chúng. Nhưng, trước khi đi vào sự thống nhất ấy, ta trở lại với sự chứng minh: “*Hư vô và tồn tại là cùng một cái*”.

- Hư vô – tức cái hư vô lôgic ở §87 – không phải là cái hư vô cụ thể, đã phát triển trong những hình thức phức tạp và phong phú của tính phủ định (Negativität / negativity) của những phạm trù về sau này. Ở đây là hư vô *trực tiếp*, ngang bằng với chính mình không khác gì tồn tại mà ta đã phân tích.
 - trước hết, nó là *hư vô trực tiếp*, xét về mặt hồi cố lẫn về mặt hướng tới phía trước. Về mặt hồi cố, nó không có “quan hệ” nào với tồn tại thuần túy; về mặt hướng về phía trước, sự phủ định thuần túy ở đây được nêu trong sự trừu tượng hoàn toàn, chưa được kết hợp với khẳng định của tồn tại để mang lại một phạm trù phức hợp trong đó hư vô lẫn tồn tại có được một ý nghĩa cụ thể như những phạm trù khác về sau.
 - *nó là ngang bằng với chính mình*: điều này nói lên “tính liên tục” của nó, nghĩa là giống hệt như tính liên tục của tồn tại. Cũng như tồn tại thuần túy, nó có cùng một “nội dung” hay đúng hơn, có cùng một *sự vắng mặt* của nội dung giống như tồn tại: nó cũng là sự trừu tượng thuần túy, cùng một sự vô-quy định, đơn giản, trực tiếp như tồn tại. Vì thế, trong [Đại] Khoa học Lôgic, Hegel viết: “Hư vô có cùng một sự quy định hay đúng hơn, có cùng một sự vô-quy định, và do đó, nói một cách tuyệt đối, là cùng một cái như tồn tại thuần túy”. (I, 67b).
- Hư vô và tồn tại là “*cùng một cái*”. Chữ “cùng một cái” (dasselbe / the same / la même chose) chưa phải là một phạm trù được bàn ở đây. Nó sẽ chỉ xuất hiện trong học thuyết về Bản chất ở §118 với tên gọi là “sự [ngang] bằng nhau” (Gleichheit / equality) với định nghĩa khá nghịch lý: “sự ngang bằng nhau chỉ là một sự đồng nhất về từ ngữ của những cái *không* phải là *cùng một cái*”:

có nghĩa: sự ngang bằng chỉ có nghĩa giữa những cái khác nhau! Vậy, cũng giống như phạm trù “sự ngang bằng nhau”, cách nói “cùng một cái” thực chất bao hàm một sự không-đồng nhất, hay, chính xác hơn, một sự khác nhau của những hạn từ mà nó so sánh. Cho nên, cũng chính xác khi nói: tồn tại và hư vô là khác nhau một cách tuyệt đối: cái này không phải là cái kia. Thật thế, tồn tại *muốn nói lên* (*meint / means / vise*) một sự khẳng định tuyệt đối, trong khi hư vô *muốn nói lên* một sự phủ định tuyệt đối. Nhưng, đó chỉ là một *ý nghĩ chủ quan, một tư kiến đơn thuần* (*Meinung / opinion / visée*), và cũng thế, sự khác biệt giữa chúng chỉ là một *ý nghĩ chủ quan*, bởi cả hai, tồn tại và hư vô đều mới là cái trực tiếp vô quy định mà ta chưa thể gán cho chúng bất kỳ một đặc tính nào về mặt khái niệm để phân biệt chúng. Quả là có một sự khác biệt giữa chúng, nhưng vì sự khác biệt ấy chưa được xác định và chỉ có mặt trên ngôn từ, nên đó là sự khác biệt *không nói ra được* mà chỉ là *ý nghĩ chủ quan đơn thuần*.

“Cùng một cái” ấy sẽ được định nghĩa hay quy định trong chân lý, tức trong sự *thống nhất* của chúng.

- Trở lại với chữ “*thống nhất*”. Ở cấp độ này, sự “thống nhất” cũng có cùng một tính trừu tượng như thế. Bản thân khái niệm “thống nhất” là một phạm trù tương đối bất định. Nó chỉ được bàn hai lần (ở §100 và §102) trong khuôn khổ của phạm trù *Lượng*, tức trong lĩnh vực của Tồn tại và, như ta sẽ thấy, là quy định ngoại tại và dừng dừng (trừ khi được bổ sung bằng từ ngữ đặc biệt: “sự thống nhất *tuyệt đối*”, “sự thống nhất *phủ định*” v.v...). Sự “thống nhất” cũng hơi hợt đúng như lĩnh vực mà nó xuất hiện. Nó chỉ nói lên sự kết hợp lỏng lẻo, ngoại tại (giống như mười cái “một” thống nhất trong con số 10 tạo nên *một* chục, tức một tập hợp nói lên một sự “thống nhất” nào đó). Vì thế, diễn tả trong thuật ngữ còn mơ hồ và bất định, chân lý của tồn tại cũng như của hư vô là sự “*thống nhất của cả hai*”. Nói theo chân lý riêng biệt của nó, sự thống nhất này là sự *TRỞ THÀNH* (*das WERDEN / BECOMING / DEVENIR*). Ta nên hiểu từ này như thế nào?
- Trước hết, điều cực kỳ hệ trọng là cũng phải nắm lấy chữ “Trở thành” trong sự vô-quy định của nó, do đó:
 - chưa thể đồng hóa nó với chữ “*biến đổi*” (*Veränderung /*

changement) chỉ xuất hiện ở §92, càng không phải là sự “*vận động*” (*Bewegung / movement*) vốn là một khái niệm của Triết học về Tự nhiên. Ở đây, ta chưa bàn đến sự vận động vốn là một thực tại của Tự nhiên chứ không phải của tư duy lôgic. Sự trở thành cũng không phải là sự biến đổi, vì biến đổi đã là một sự trở thành *cụ thể* mà hai hạn từ của nó không còn là tồn tại thuần túy và hư vô thuần túy nữa mà là hai “*cái-gì-đó*” (*Etwas / something / Quelque-chose*), trong đó cái này là cái khác của cái khác và ngược lại (§§90-91).

- cũng không nên để cho sự hình dung bằng biểu tượng ám ảnh và lôi kéo để đồng nhất sự Trở thành đơn thuần với *sự sinh ra* (*Entstehen, generatio*) trong khi lại loại trừ cái khác, là *sự mất đi* (*Vergehen, corruptio*). Vì thế, chúng tôi không dịch chữ “*Werden*” là “*sinh thành*” như thói quen trong các sách tiếng Việt hiện nay [xem: Lênin, Bút ký triết học, Toàn tập, tập 29, tr. 113 và tiếp] mà đề nghị dùng chữ “*sự trở thành*” trừu tượng và vô-quy định.
- Như đã nói, tồn tại và hư vô là khác nhau dù chúng ở trong một sự thống nhất, theo đó chúng là “cùng một cái”. Nếu ta nắm lấy sự phân biệt này, có thể nói rằng, trong sự thống nhất ấy, cái này thống nhất với cái kia. Vậy, sự Trở thành chứa đựng một sự thống nhất *gấp đôi* giữa tồn tại và hư vô:
 - xuất phát từ hư vô, sự thống nhất được hình thành bằng việc hư vô *chuyển sang* tồn tại: đó là sự “sinh ra”.
 - xuất phát từ tồn tại, sự thống nhất được hình thành bằng việc tồn tại *chuyển sang* hư vô: đó là sự “mất đi”. Cách nói này chỉ phù hợp khi ta trừu tượng hóa khỏi tính chất “được quy định” của cả hai phạm trù “sinh ra” và “mất đi”. Chúng chỉ là tư tưởng về một sự “sinh, diệt” *thuần túy*.
 - Cái Tuyệt đối, được nắm lấy trong sự trực tiếp của nó, là *sự trở thành*, sự trở thành thuần túy, là sinh VÀ diệt. Điều này đã được chứng minh trong việc “ra đời” và “mất đi” của hai phạm trù đầu tiên của Lôgic học: tồn tại và hư vô.
- Điều cần phải nắm lấy là sự thống nhất, nhưng là sự thống nhất trong sự khác nhau, có nghĩa sự khác nhau cũng *đồng thời* có mặt và được thiết định. Do đó, cách nói “sự thống nhất của cả hai” là

chưa đủ vì chưa nổi rõ sự hiện diện của sự khác nhau. Chính chữ “*sự trở thành*” mới là cách nói (tư biện) đúng thật về sự thống nhất hình thành từ phép biện chứng của tồn tại và hư vô. Thật thế, sự trở thành nói lên một “tính động” không ngừng nghỉ, một sự “biến động” thuần túy của các mômen. Trong đó không có gì ổn định, được đông đặc hay tĩnh tại. Sự trở thành không phải là cái gì yên nghỉ nơi chính mình mà tự phủ định liên tục, do sự khác biệt hay phân biệt cũng có mặt trong nó. Trái lại, ở phạm trù tiếp theo, phạm trù “*tồn tại-hiện có*” (*Dasein / Being-there / être-là*) (§89) sẽ là cùng một sự thống nhất ấy của tồn tại và hư vô nhưng lần này đã được xác định trong hình thức *phiến diện* của một thống nhất bị đông đặc và tĩnh tại.

- Khó khăn lớn nhất mà sự bắt đầu của Logic học của Hegel gây ra cho chúng ta là ở chỗ: hai chữ “tồn tại” và “hư vô” – do tên gọi của chúng – dễ làm ta ngộ nhận như là hai “thực thể” chứ không phải chỉ đơn thuần là các mômen của sự “quan hệ”. Thật khó khăn để hiểu “tồn tại” như là *quan hệ* theo nghĩa tuyệt đối của nó, tức *không có cái được quan hệ*. Tồn tại và hư vô cần được ta suy tưởng như một *sự tự-quan hệ* (*Sich-Beziehen*) (mà thoát đầu là sự trở thành) đồng thời bản thân chúng, xét nơi bản thân chúng, không là gì hết. Nói cách khác, vấn đề là phải hiểu tồn tại (và hư vô) theo nghĩa “động” của ngôn từ chứ không phải của vật thể. Cả hai đều nằm trong khái niệm chung là “sự trở thành” nhưng lại triệt tiêu nhau. Sự trở thành, xét như sự trở thành, không có một “chỗ dựa” ở bên trong lẫn bên ngoài; nó không tạo ra một tính quy định cụ thể nào mà chỉ là một tiến trình còn vô-quy định. Cần suy tưởng sự trở thành *như là sự trở thành*, chứ không phải như là sự trở thành “*của cái-gì đó*”. (Xem thêm: “*Mấy lời giới thiệu*” của người dịch ở đầu sách: II.2.1).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §89

- Cần phân biệt giữa “*tiêu biến*” (*Verschwinden / Vanishing*) với “*sinh ra và mất đi*” (*Entstehen-Vergehen / coming to be-passing away*). Trong sự *trở thành*, tồn tại là một với hư vô và hư vô là một với tồn tại. Cả hai được thiết định như là “*tiêu biến*” và chỉ

có thể là “tiêu biến”. Chúng mất vẻ ngoài của sự độc lập tự chủ như mới thoát nhìn. Chính trong sự tiêu biến ấy, chúng lại là sự ra đời và mất đi ở bên trong sự trở thành: sự chuyển sang nhau giữa tồn tại và hư vô là hai hướng đối lập, thâm nhập vào nhau, triệt tiêu nhau và “hợp lưu” tại một điểm *trung gian* cân bằng, đó là “tồn tại-hiện có” (*Dasein / Being-there*). Ta có thể hình dung bốn bước lập luận của Hegel:

- a) Sự trở thành *thuần túy* (sinh ra và mất đi) chỉ là sự chuyển từ tồn tại *thuần túy* sang hư vô *thuần túy* (mất đi) và từ hư vô *thuần túy* sang tồn tại *thuần túy* (sinh ra).
- b) Trong sự trở thành này, tồn tại *thuần túy* và hư vô *thuần túy* được thiết định như là tiêu biến, nghĩa là như các cái trừu tượng không tự tồn. Đó là kết quả *thứ nhất* của sự trở thành.
- c) Qua vận động song đôi của sự sinh ra và mất đi, sự trở thành thiết định hư vô *thuần túy* và tồn tại *thuần túy* như là cái gì không tồn tại: nó *vượt bỏ* hay *thải hồi* chúng. Nhưng, sự trở thành vốn chỉ là sự chuyển sang nhau của hai cái, nên khi thiết định sự tiêu biến của chúng, nó tự mâu thuẫn với chính mình và “sụp đổ” (*zusammenfallen*) cùng với hai mômen cấu thành của nó là sự sinh ra và mất đi.
- d) Vậy đâu là kết quả của sự sụp đổ này? Không thể là tồn tại lẫn hư vô được (vì cả hai cái trừu tượng này đã bị vượt bỏ) mà chỉ có thể là sự thống nhất của cả hai, song không phải là sự thống nhất *động* (của việc tồn tại và hư vô *chuyển sang nhau*) mà là sự thống nhất *tĩnh*, nằm giữa cái này và cái kia, được tạo nên bởi sự hợp lưu hay hội tụ *đã hoàn tất, bị đông đặc* của cái này ở trong cái kia. Đó là sự thống nhất, nơi đó tồn tại trộn lẫn với hư vô, nghĩa là nó bị *tác động* bởi hư vô, bởi sự phủ định, và, do đó, là *bị quy định nhất định*. Mọi sự khẳng định đều là một sự bị hạn chế và là một sự phủ định. Vậy, tồn tại bị hư vô tác động (tồn tại với một sự quy định) là kết quả đúng thật của sự trở thành khi nó *tự va chạm* (nghĩa thứ nhất của “*zusammenfallen*”), rồi hai mômen cấu thành lại *hội tụ* (nghĩa thứ hai của từ ấy) trong sự thống nhất yên tĩnh của tồn tại được quy định. *Kết quả* ấy của sự trở thành là sự trở thành *đã trở thành*, là tồn tại *được quy định* hay như Hegel gọi, là *Dasein* (*tồn tại-hiện có*). Ta chú ý cách dùng

chữ “*Dasein*” của Hegel ở đây: nó là tồn tại với một sự quy định hay tồn tại nhất định. Nó *chưa* phải là “*hiện hữu*” (*Existenz*), một phạm trù của phân học thuyết về Bản chất: §123), càng không phải là *Dasein* [“con người phổ sinh”] theo nghĩa của Heidegger. Trong “*Dasein*”, nhấn mạnh đến chữ “*Da*” là cái gì xác định như là vận động của sự *trở thành*, trong khi trong “*Existenz*”, nhấn mạnh đến chữ “*Ex*” là một vận động của việc đặt cơ sở (*Grund / ground*). Nếu “*ex*” nói lên *nguồn gốc* của sự quy định thì “*da*” chỉ nói lên sự hạn định *trực tiếp*. Nói cách khác, chữ “*ex*” trong *Existenz* (sự hiện hữu) diễn đạt sự trung giới từ mối quan hệ về nguồn gốc (giống như chữ “*Ob*” trong “*Objekt*” nói lên sự trung giới của khái niệm tự thiết định đối lập lại với chính mình) còn chữ “*da*” ở đây chỉ đơn thuần biểu thị một sự hạn định (tồn tại *được quy định*) mà thôi.

- Tồn tại ở trong “*tồn tại-hiện có*” không còn là tồn tại trừu tượng của lúc bắt đầu nữa mà là sự quy định của cái toàn bộ cụ thể do tồn tại-hiện có tạo ra, trong chừng mực cái toàn bộ này thoát đầu có mặt trong hình thức *đơn phương* của tồn tại hay của sự trực tiếp.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §90

Sự phát triển của “*tồn tại-hiện có*” tác động lên ba phương diện: **a)** lên cái-gì-đó (*Etwas / something*); **b)** lên ranh giới và tính hữu hạn (“*tồn tại-tự-mình*” §92) và **c)** lên tính vô hạn (“*tồn tại-cho-mình*” §96). Tiểu đoạn 90 xét điểm a.

Tồn tại-hiện có là tồn tại được quy định. Tính quy định này (cũng là cái không-tồn tại hay cái phủ định, hư vô: “mọi cái khẳng định là phủ định”) *ở bên trong* tồn tại chứ không *gắn với* tồn tại như trong hư vô trừu tượng hay *đồng nhất với* tồn tại như trong sự trở thành. Tính quy định này chính là *Chất*, và ở trong mối quan hệ thống nhất trực tiếp với tồn tại và chưa có sự dị biệt hóa nào giữa cả hai cả. Tồn tại-hiện có *có* một *Chất*, nghĩa là nó phản tư *vào trong* chính tính quy định này như vào trong chính mình; vì thế

nó được xem như cái mang Chất, thống nhất với Chất, dù tính quy định này là có tính phủ định (hạn định nó). Được thiết định trong sự *thống nhất phủ định với chính mình*, tồn tại-hiện có không còn là tính phổ biến trừu tượng của tồn tại-hiện có (Dasein) nữa, mà là *cái-gì-có đó* (*Daseiendes / what is there*), là *cái-gì-đó* (*Etwas / something*) một cách cụ thể. Cần chú ý: tồn tại-hiện có là sự khẳng định cụ thể, thống nhất với chính mình nhờ *sự phủ định đã được phủ định* (như thuật ngữ đặc trưng nói trên của Hegel: “*sự thống nhất phủ định với chính mình*”). Như thế, tồn tại-hiện có không còn là tồn tại-được quy định *nói chung*, mà là *cái-gì-đó* nhất định (như là sự phủ định của phủ định), nhưng cái-gì-đó (Etwas) vẫn *chưa* phải là *sự vật* (*Ding / Thing*) đặc thù theo nghĩa đen (chỉ xuất hiện ở §124). Cũng thế, chữ “*phản tư*” vốn là phạm trù của bản chất chứ không phải của tồn tại, nhưng vẫn xuất hiện ở đây; có nghĩa: sự phản tư *hiện diện* trong tồn tại nhưng chưa được thiết định *như là* sự phản tư. *Cái-gì đó tiến hành* một sự phản tư-vào trong-chính mình, nhưng nó không *nói lên* điều đó!

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §91

- Chất chứa đựng sự phủ định. Nhưng, trong chừng mực Chất được nắm lấy *như là* tồn tại, thì sự phủ định mà nó chứa đựng là khác biệt với nó. Do đó, Chất – với tư cách là tính quy định của tồn tại-đang có, - vừa chứa đựng, vừa đối lập với sự phủ định – là *thực tại* (*Realität*).
- “*Một tồn tại-đang có*”: sự phủ định bây giờ không còn là hư vô trừu tượng của §87 mà là hư vô *ở bên trong* Chất, như là *mômen* của tồn tại-đang có, nên *có xu hướng* là *một cái tồn tại-đang có*, *một cái-gì đó*. Nó chưa phải là *một cái khác* mà chỉ là một mômen của tồn tại-đang có, hay nói cách khác, chỉ mới là “*một hình thức*”. Phạm trù “*hình thức*” sẽ chỉ được bàn sau này (ở §128 và tiếp), nên ở đây nói lên sự không tự tồn và tính tương quan của cái-gì đó với tồn tại-khác. “Tồn tại-khác” chưa phải là một cái-gì-

đó khác ở bên ngoài cái-gì-đó (như ở tiểu đoạn tiếp theo), trái lại, sự phủ định là “nội tại” trong cái-gì-đó.

- “Sự quy định riêng” (*spezifische Bestimmung / specific determination*): hiểu như là “số phận”, “định mệnh”, theo nghĩa: “tồn tại-khác” không xa lạ với Chất mà thuộc về bản thân Chất. Chữ “thoạt đầu” có nghĩa: Chất còn phân biệt với tồn tại-khác, nhưng sau đó (§92), tương ứng với “vận mệnh” của nó, Chất sẽ hoàn toàn nội tại hóa tồn tại-khác của nó dưới hình thức minh nhiên của ranh giới và giới hạn (“tồn tại-tự mình” §92).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §92

Cái-gì-đó tồn tại, nhưng chân lý [hay sự thật] của nó là sự kết thúc của nó: nó là hữu hạn. Nó còn là khả biến nữa. Nó chỉ có sự tồn tại ở trong ranh giới, giới hạn, nghĩa là trong cái khác, vì ranh giới, giới hạn là cái phủ định (cái-không-tồn tại) chung của cả hai. Qua đó, nó tự phân ly với chính mình, theo nghĩa nó đi ra khỏi chính mình và thiết định cái không-tồn tại như là sự tồn tại thiết cận nhất của nó. Do sự mâu thuẫn nội tại, nó ra khỏi chính mình, đi vào trong cái khác; cái khác này vừa là sự tồn tại và sự không-tồn tại của nó. Nó trở thành một cái khác; nó thay đổi, biến dịch, tức khả biến. Vì lẽ “tồn tại-khác” là mômen của chính cái-gì-đó chứ không phải cái gì ngoại tại, dừng dừng, ta có thể kết luận rằng sự hữu hạn và sự khả biến của cái-gì-đó là thuộc về tồn tại của nó. Chính từ bản thân nó mà nó có chỗ kết thúc và trở thành một cái khác.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §93

Cái-gì-đó trở thành một cái khác. Nhưng, cái khác này không phải là không có gì mà là một sự phủ định cụ thể. Bản thân cái khác cũng là một cái-gì-đó, nghĩa là cũng hữu hạn và khả biến; và cái này cũng lại trở thành một cái khác và cứ thế đến vô hạn. Sự vô-hạn (phủ định của hữu hạn) xuất hiện đầu tiên ở đây dưới hình

thức của trò chơi vô định của sự biến đổi cái-gì-đó thành một cái khác, và cái khác này vốn bản thân cũng là cái-gì-đó khả biến... Đó là tiến trình đến *vô hạn* của Chất.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §94

Sự vô hạn (của tiến trình đến vô hạn) là sự vô hạn *tôi* hay *tiêu cực*. Vì sao? Vì sự vô hạn này không gì khác hơn là *sự phủ định* của cái hữu hạn. Nó chưa phải là “*tính phủ định nội tại*” hay “*tính phủ định tuyệt đối*”, chưa phải là tính vô hạn *tự khẳng định* trong sự đồng nhất cụ thể với chính mình theo nghĩa sự phủ định của phủ định. Sự vô hạn *tôi* chỉ nói lên việc “*phải-là*” (*Sollen*) của việc thủ tiêu cái hữu hạn, nghĩa là chỉ mới nói lên sự *mâu thuẫn* mà cái hữu hạn chứa đựng và thay chỗ thường xuyên chứ chưa *giải quyết* nó. Sự giải quyết (như sẽ thấy ở §95) là ở chỗ: cái hữu hạn chỉ là một mômen của sự vô hạn *đúng thật*; sự vô hạn này không kết hợp mà bao hàm và phủ định cái hữu hạn từ bên trong. Cái khác đúng thật (trong đó cái-gì-đó hữu hạn tiêu vong và tự-phủ định) mới là cái vô hạn đúng thật.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §95

- Sự vô hạn đúng thật không phải ở bên ngoài cái hữu hạn mà là bản thân việc làm cho cái hữu hạn trở thành hữu hạn, nghĩa là, kết thúc và thả hồi nó (trong §386, tập III của *Bách Khoa thư*, Hegel còn mở rộng ý nghĩa này cho “*Tinh thần*” nói chung: “Tinh thần, Khái niệm và cái Vĩnh cửu-*tự mình* chính là thực hiện trọn vẹn việc hư vô hóa cái hư vô, hư ảo hóa cái hư ảo này ở trong chính mình” / “Der Geist aber, der Begriff und das *an sich* Ewige ist es selbst, dieses Vernichtigen des Nichtigen, das Vereiteln des Eiteln in sich selbst zu vollbringen”. Trong [*Đại*] *Khoa học Logic II*, 62, Hegel còn viết mạnh mẽ hơn nữa: “Sự không-tồn tại của cái hữu hạn là sự *tồn tại* của cái Tuyệt đối”).

Ta khái quát lại ba bước của tồn tại trên con đường *tái lập* lại chính mình như là tiến trình phủ định của phủ định (hay phủ định tuyệt đối):

- a) Tồn tại-hiện có (Dasein / being-there) là sự phủ định đầu tiên hay trực tiếp đối với tồn tại thuần túy (không được quy định) lúc bắt đầu.
 - b) “Cái-gì đó” (Etwas / Something) là sự phủ định của phủ định trong môi trường của sự vô hạn *tôi*: ở trong mỗi quan hệ và chỉ ở trong mỗi quan hệ với cái khác.
 - c) Tồn tại được tái lập: trong cái vô hạn *đúng thật*, sự kết hợp không hoàn hảo nói trên với sự phủ định đã được vượt bỏ. Sự đồng nhất-khẳng định của tồn tại quan hệ với sự phủ định như quan hệ với chính mình. Nó không còn là quan hệ với cái khác nào đó ở bên ngoài nó, mà là sự phủ định tuyệt đối, tức chỉ quan hệ với chính mình ở trong cái khác của mình vốn là bản thân mình. Vì thế, tính quy định về Chất mất đi tính quan hệ ngoại tại với cái khác mà chỉ còn là mômen vô hạn và tự mãn tự túc của sự phủ định của phủ định: từ nay, ta không còn làm việc với tính quy định đơn giản có tính quan hệ của tồn tại-hiện có nữa, mà với tồn tại-được quy định tuyệt đối, tức với sự *tự-quy định* của *tồn tại-cho-mình*, đỉnh cao và sự hoàn tất của toàn bộ lĩnh vực tồn tại về Chất.
- “*tính ý thể*” (*Idealität / ideality*): phạm trù mới này cần được hiểu trong sự tương ứng chặt chẽ với phạm trù (*tính*) *thực tại* (*Realität / reality*) ở §91. Ở §91, tồn tại-hiện có (Dasein) được hiểu một cách phiến diện dựa theo *sự tồn tại* hay *sự khẳng định* của nó. Vì thế, nó có *thực tại*. Cả cái hữu hạn (cũng thuộc phạm vi tồn tại-hiện có) cũng có tính quy định của thực tại. Nhưng rồi qua các bước phát triển của tồn tại-hiện có, nó bộc lộ bản tính phủ định của tồn tại-hiện có hữu hạn. Tồn tại này cho thấy chỉ là một mômen của thực tại đúng thật duy nhất, đó là của cái vô hạn đúng thật hay của tồn tại-cho-mình. Chính đó là *tính ý thể*: *ý thể (ideel) là cái gì chỉ là mômen bị thủ tiêu, vượt bỏ của một thực tại cao hơn* (chữ “ideel” đồng nghĩa với “aufgehoben” / sublated: bị thải hồi, vượt bỏ). Ở đây, cái hữu hạn chỉ là một mômen của tồn tại-cho-mình vô hạn (trong *Khoa học Lôgíc*, Hegel còn gọi là “tồn tại-cho-cái Một” / Sein-für Eines I, 149-153 và ta sẽ bàn ở §239).

Nói cách khác, chân lý của cái hữu hạn không phải là (tính) thực tại mà là tính ý thể của nó. Cái vô hạn tòi của giác tính (đặt bên cạnh cái hữu hạn) thì bản thân cũng là hữu hạn và không có thực tại đúng thật; nó là một cái vô hạn không đúng thật, một cái vô hạn *ý thể*, nghĩa là một mômen bộ phận của sự vô hạn đúng thật của tồn tại-cho-mình. Tính ý thể của cái hữu hạn từ nay là lập trường chính yếu của triết học, và, vì thế, *mọi triết học đúng thật đều là một thuyết (vạch ra tính) “ý thể” (thuyết “duy tâm”)*.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §96

Giống như trong *tồn tại-hiện có*, việc trình bày về *tồn tại-cho mình* cũng gồm ba mômen: **a)** mômen của sự trực tiếp hay của sự tồn tại của tồn tại-cho mình (§96); **b)** mômen phủ định của sự trung giới của nó (§97); và **c)** mômen tư biện của việc vượt bỏ cái tồn tại-cho mình để trở thành Lượng.

Trong mômen a), tồn tại-cho mình, với tư cách là tồn tại, là quan hệ với chính mình và do đó, là sự trực tiếp, nhưng, với tư cách là sự phủ định của phủ định (§95), nó là sự tự-quy định tuyệt đối và là quan hệ với chính mình của cái *phủ định*. Với tư cách sau, nó không chỉ là sự trực tiếp nói chung mà *một cái* tồn tại-cho mình (Fürsichseiendes / *what is for-itself*) hay cái Một (Eins / the One). Ở đây cái Một *chưa* mang tính cách của Lượng mà là sự trừu tượng trực tiếp của mối quan hệ của sự phủ định với chính mình, là tính phủ định *đang tồn tại*, là sự phủ định tuyệt đối trong hình thức của tồn tại. Nó là kết quả trừu tượng, trống rỗng; nó chỉ là giới hạn trừu tượng của chính nó trong sự tự túc tự mãn tuyệt đối; nó là cái Duy nhất, cái Một *thuần túy* trong tính cá thể tuyệt đối và chưa được dị biệt hóa. Cái khác không bị *loại bỏ* mà là bị *loại trừ*, bị đặt ra bên ngoài. Chân lý của tồn tại-cho mình là: rơi trở vào lại trong sự trực tiếp và chuyển sang cái Một.

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §97

Với mômen a), sự trực tiếp của tồn tại-cho mình là sự trực tiếp của cái Một loại trừ. Cần đi sâu hơn để thấy rằng tính phủ định này không chỉ tác động đến mối quan hệ của cái Một với cái khác (thành một quan hệ loại trừ) mà còn đến mối quan hệ của nó với chính mình (quan hệ đồng nhất trực tiếp). (Quan hệ phủ định với chính mình là “nguồn gốc sâu xa nhất của mọi hoạt động, của mọi sự tự vận động của đời sống và tinh thần, là linh hồn biện chứng mà mọi cái đúng thật đều có nơi chính mình và chỉ qua đó, nó mới là cái gì đúng thật” / [Đại] Khoa học Lôgíc, II, 496 b). Là mối quan hệ của cái phủ định với chính mình, cái Một là quan hệ phủ định với chính nó, không chỉ loại trừ cái khác mà loại trừ chính mình: tự-loại trừ hay sự “đẩy” của cái Một (mượn thuật ngữ của vật lý học đương thời). Đây cái Một là thiết định cái đối lập của cái Một, tức Nhiều cái Một hay, khái quát hơn, cái Nhiều (không theo nghĩa về lượng mà là cái Nhiều bất định, vô-quy định). Qua đó, sự tự-quy định vô hạn của tồn tại-cho mình tuy được bảo tồn, nhưng lại rơi vào tính ngoại tại do sự tồn tại trực tiếp của cái Một. Với tư cách là những thực tại-đang có (Vorhandene), việc đẩy của những cái Một là sự loại trừ lẫn nhau. Trong sự loại trừ lẫn nhau của những cái Một, cái Một trải qua sự trung giới phủ định, và, do tính trực tiếp của sự trung giới ấy, cái Một mang hình thức của sự bất liên tục tuyệt đối. Mômen c) sẽ cho thấy mặt khẳng định của tiến trình trung giới phủ định này: chuyển sang quan hệ liên tục hay “hút” (§98).

CHÚ GIẢI DẪN NHẬP: §98

- Những cái Nhiều loại trừ nhau đều là những cái Một giống như cái kia. Mỗi cái trong chúng là cái Một (hay cái Một của những cái nhiều) và không có gì để phân biệt nhau: chúng đều là *một và cùng một cái* (*eins und dasselbe / one and the same*). Khi thiết định cái đối lập tuyệt đối, mỗi cái Một chỉ thiết định chính mình, nên tính *bất liên tục* tuyệt đối của Nhiều cái Một cũng đồng thời là *tính liên tục* tuyệt đối, tức sự *Đẩy* cũng là sự *Hút*. Cái Một (đỉnh cao của tồn tại-cho mình) tự thủ tiêu; nó không biến mất mà trở thành một mômen *ý thể* của sự *liên tục*, của sự thống nhất được thiết định trong cái Một duy nhất của việc Hút. Cái Một không còn là cái Một trực tiếp và loại trừ của §96, mà là cái Một *đã được trung giới*; cái Một được thiết định như là cái Một, cái Một mang lại bằng chứng thực tồn, cụ thể của sự vô hạn. Sự thống nhất sau cùng (kết quả của việc Hút) là sự vô hạn cụ thể và đã phát triển. Đó là bước chuyển từ lĩnh vực Chất sang lĩnh vực Lượng. Tồn tại-cho mình được vượt bỏ; nó mất đi tính loại trừ và được hòa giải với những cái Một khác trong sự tồn tại *ở bên ngoài nó*. Tồn tại-cho mình trở thành đồng nhất với tồn tại-cho-cái khác. Tính liên tục này chính là Lượng: đây chưa phải là một lượng nhất định (một “đại lượng” / Quantum), càng không phải là một quy định *ở bên ngoài* lôgic như là không gian, thời gian, mà là Khái niệm *thuần túy* về Lượng. Một tồn tại có phương diện lượng trong chừng mực có một sự đi ra khỏi chính nó một cách *dừng dưng*, nghĩa là, ở cấp độ của sự tồn tại trực tiếp, quy định về lượng là quảng tính mà không tự đánh mất mình, là sự tái tạo liên tục sự thống nhất với chính mình và không rơi vào sự bất liên tục thuần túy của Chất.
- “*Sự trống rỗng*”: Hegel hiểu “sự trống rỗng” ở đây không gì khác hơn là bản thân việc Đẩy của cái Một, tức mối quan hệ phủ định với chính mình, là sự tự dị biệt hóa chính mình. Nó là *năng lượng phủ định* ở ngay trong cái Một, nhưng lại được thuyết nguyên tử hiểu theo kiểu hình tượng (chứ không phải bằng tư duy khái niệm) như là cái “*hư vô tồn tại thật*” (*Seiendes Nichts / the nothingness that is*) giữa những nguyên tử.

- Về mặt chính trị, ở đây ám chỉ Hobbes và Rousseau.